TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 726/2018/HNGĐ-ST;
Ngày: 22/6/2018.
V/v tranh chấp xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Túy Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Võ Văn Tốt.
2/Ông Nguyễn Văn Tiên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Hoàng Trúc – Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Châu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1161/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị D – Sinh năm 1988;
Thường trú: Ấp Nô Lựa B, xã Nhị Trường, huyện CN, tỉnh TV;
Tạm trú: 384, Tổ 48, Khu phố 7, phường HT, Quận 12, TP.HCM (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Quang L – Sinh năm 1990;
Thường trú: 126A/5, Khóm 5, Phường 1, thị xã BL, tỉnh BL;
Tạm trú: 48/1, đường TA21, Tổ 3, Khu phố 4, phường TA, Quận 12, TP.HCM (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/9/2017, bản tự khai ngày 09/11/2017, các biên bản hòa giải ngày 15/12/2017, 21/3/2018, nguyên đơn bà Thạch Thị D trình bày:

Bà và ông Trần Quang L tự nguyện tìm hiểu, có làm đám cưới, về sống chung và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân phường 1, thị xã BL, tỉnh BL cấp ngày 09/4/2010.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã có nhiều khác biệt về cách sống, lẫn tính tình ngay từ khi mới về sống chung. Năm 2013, mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng do ông L có hành vi đánh đập bà, bạo lực gia đình. Mặt khác, ông L thường xuyên nhậu nhẹt, tụ tập bạn bè, có quan hệ với người phụ nữ khác, không đóng góp vào kinh tế chung của gia đình làm cho tiền bạc trong nhà thường xuyên thiếu thốn. Do vậy, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Từ năm 2015 đến nay bà và ông L sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai người nấy sống. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 12 giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Quang L.

Về con chung: Ba và ông L có 01 (một) con chung tên Trần Thị Huyền Tr, sinh ngày 06/8/2013. Bà yêu cầu giao con chung cho ông L nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D xác định không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Quận 12 đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn – ông Trần Quang L. Tại bản tự khai ngày 15/12/2017, bị đơn ông Trần Quang L trình bày:

Ông đồng ý với lời trình bày của bà D về quá trình quen biết cũng như kết hôn. Trong thời gian chung sống, hai người thường hay mâu thuẫn. Bà D đã bỏ nhà đi từ năm 2015. Hai người không còn chăm sóc, yêu thương lẫn nhau. Nhận thấy không còn khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng, vì vậy ông đồng ý ly hôn với bà D.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Trần Thị Huyền Tr, sinh ngày 06/8/2013. Ông đồng ý nuôi con và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông xác định không có.

Tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 31 tháng 5 năm 2018, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã phải hoãn phiên tòa theo quy định tại các Điều 227, 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có mặt và giữ nguyên hầu hết các ý kiến, yêu cầu như đã trình bày trước đây trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, TP.HCM phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Thạch Thị D yêu cầu được ly hôn với ông Trần Quang L. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân gia đình. Bị đơn có địa chỉ tạm trú tại 48/1, đường TA21, Tổ 3, Khu phố 4, phường TA, Quận 12, TP.HCM, do đó căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 12, TP.HCM.

2/ Về các yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự; căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở pháp lý để kết luận:

* Về quan hệ hôn nhân:

Bà Thạch Thị D và ông Trần Quang L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân phường 1, thị xã BL, tỉnh BL cấp ngày 09/4/2010. Vợ chồng bà D – ông L có 01 (một) con chung tên Trần Thị Huyền Tr, sinh ngày 06/8/2013.

Nay bà Thạch Thị D yêu cầu được ly hôn với ông Trần Quang L. Tại bản tự khai ngày 15/12/2017, ông L cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D.

Về con chung: Bà D và ông L thống nhất giao con chung cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, bà D không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Thạch Thị D và ông Trần Quang L đều xác định không có.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Quang L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D vì giữa ông và bà D người có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được và hai người đã ly thân từ năm 2015 đến nay, cả hai người đều không quan tâm, chăm sóc nhau. Tại phiên tòa, bà D tiếp tục yêu cầu được ly hôn với ông L do không còn tình cảm với ông L. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận tự tự nguyện ly hôn giữa bà Thạch Thị D và ông Trần Quang L.

Về con chung: Bà D và ông L có 01 con chung tên Trần Thị Huyền Tr, sinh ngày 06/8/2013. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà D yêu cầu giao con chung cho ông L nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con vì bà khó khăn về kinh tế. Tại bản tự khai ngày 15/12/2017, ông L đồng ý nuôi con theo yêu cầu của bà D và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con vì hiện tại ông đang trực tiếp nuôi con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục giao con chung tên Trần Thị Huyền Tr, sinh ngày 06/8/2013 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà D cho đến khi một trong hai bên có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D và ông L đều xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xét.

Từ những phân tích trên, xét ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở và căn cứ pháp lý nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần tuyên bố nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; giao người con chung tên Trần Thị Huyền Tr, sinh ngày 06/8/2013 cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho nguyên đơn cho đến khi một trong hai bên có yêu cầu;

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét.

* Về án phí ly hôn: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân:

Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự: Bà Thạch Thị D và ông Trần Quang L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Thị Huyền Tr, sinh ngày 06/8/2013 cho ông Trần Quang L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Thạch Thị D cho đến khi một trong hai bên có yêu cầu.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con. Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2/ Về án phí ly hôn sơ thẩm:

Buộc bà Thạch Thị D chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình không có giá ngạch là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Bà Thạch Thị D đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí khi khởi kiện theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0034318 ngày 03 tháng 10

năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, TP.HCM. Bà Thạch Thị D đã nộp đủ án phí.

3/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 39, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân phường 1, thị xã BL, tỉnh BL cấp ngày 09/4/2010 không còn giá trị.

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 12;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12;
- UBND Phường 1, thị xã BL, tỉnh BL;
- Các đương sự
- L hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Túy Như